

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-1

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BỂ CHỨA  
TRẠM NHƠN NGHĨA A  
ẤP: NHƠN PHÚ 1 , XÃ: NHƠN NGHĨA A, HUYỆN: CHÂU THÀNH A
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-1

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                 | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                 | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.28                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017               | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017               | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                  | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.84                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỖNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-2

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
TRẠM NHƠN NGHĨA A  
ẤP: NHƠN PHÚ 1 , XÃ: NHƠN NGHĨA A, HUYỆN: CHÂU THÀNH A
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-3

Trang/ Page No: 1/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.68                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.88                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10528 : 2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

  
**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-3

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 06/05/2023
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 06/05/2023
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN - NGUYỄN VĂN TÂM  
TRẠM NHƠN NGHĨA A  
ẤP: NHƠN PHÚ 1 , XÃ: NHƠN NGHĨA A, HUYỆN: CHÂU THÀNH A
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-3

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method     | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                     | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                     | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                    | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                   | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                   | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                      | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.88                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>:2008) | 6.0 - 8.5                  |

## Chú thích/ Remarks:

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-4

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BỂ CHỨA  
TRẠM THẠNH XUÂN  
ẤP: TRÀU HÒI, XÃ: THẠNH XUÂN, HUYỆN: CHÂU THÀNH A
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-4

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.65                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | 1.87                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.79                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 - 8.5                  |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | 0.004                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP/28:2021                  | 0.01                       |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-5

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
TRẠM THẠNH XUÂN  
ẤP: TRÀU HỒI, XÃ: THẠNH XUÂN, HUYỆN: CHÂU THÀNH A
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-5

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.58                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | 1.49                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.91                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5                  |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | 0.003                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                       |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-6

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN - PHAN THANH HẢI  
TRẠM THANH XUÂN  
ẤP: TRÀU HÔI, XÃ: THANH XUÂN, HUYỆN: CHÂU THÀNH A
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL. / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-6

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.60                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | 1.44                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.98                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5                  |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | 0.003                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                       |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỖNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-7

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BỂ CHỨA  
TRẠM VỊ THANH 2  
ẤP: ẤP 1, XÃ: VỊ THANH, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



M.S. Đ. N. 0  
I  
THÀNH

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-7

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                 | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                 | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.71                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | 0.649                            | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017               | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017               | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                  | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 8.39                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 / ISO 10523      | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-8

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
TRẠM VỊ THANH 2  
ẤP: ẤP 1, XÃ: VỊ THANH, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL. / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-8

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                 | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                 | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.80                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017               | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017               | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                  | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 8.45                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523)      | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-9

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN – HÀ THỊ BÉ TÁM  
TRẠM VỊ THANH 2  
ẤP: ẤP 1, XÃ: VỊ THANH, HUYỆN: VỊ THÙY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-9

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.31                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 8.22                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 - 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-10

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BÈ CHỨA  
TRẠM HÒA TIỀN  
ẤP: THẠNH AN, XÃ: HÒA TIỀN, HUYỆN: TP.VỊ THANH
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL. / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-10

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method       | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                       | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                       | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.76                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                      | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                     | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                     | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                        | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 8.37                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) NHH | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-11

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
TRẠM HÒA TIỀN  
ẤP: THẠNH AN, XÃ: HÒA TIỀN, HUYỆN: TP.VỊ THANH
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-11

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.79                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | 1.73                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 8.44                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone: (+84) 28.3810.4336**

**Website: <http://tsi-net.com.vn>**

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



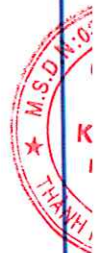
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-12

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN – PHẠM VĂN NHƯ  
TRẠM HÒA TIẾN  
ẤP: THẠNH AN, XÃ: HÒA TIẾN, HUYỆN: TP.VỊ THANH
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-12

Trang/ Page No: 2/2

**TEST REPORT**

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.88                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | 0.602                            | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 8.44                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-13

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BÈ CHỨA  
TRẠM VỊ THỦY  
ẤP: ẤP 4 , XÃ: VỊ THỦY, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-13

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.91                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | 0.346                            | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.58                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-14

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
TRẠM VỊ THỦY  
ẤP: ẤP 4 , XÃ: VỊ THỦY, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-14

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.27                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130-B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | 1.85                             | TCU             | -            | SMEWW 2120-C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.57                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
  
**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-15

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN – HUỖNH NGỌC DIỄM  
TRẠM VỊ THỦY  
ẤP: ẤP 4 , XÃ: VỊ THỦY, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



MS.D.N.  
THA

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-15

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.93                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | 2.81                             | TCU             | -            | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.56                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**  
  
**HUYNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-16

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BÈ CHỨA  
NHÀ MÁY NƯỚC NÀNG MAU  
ẤP: ẤP 1, XÃ: TT. NÀNG MAU, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-16

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.78                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | 0.585                            | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 8.38                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 8.0 - 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-17

Trang/ Page No: 1/2

### TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
NHÀ MÁY NƯỚC NÀNG MAU  
ẤP: ẤP 1, XÃ: TT. NÀNG MAU, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

# TSL



#### TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-17

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.41                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | 0.727                            | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 8.29                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 - 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-18

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN – DƯƠNG THỊ HỒNG LỰA  
NHÀ MÁY NƯỚC NÀNG MAU  
ẤP: ẤP 1, XÃ: TT. NÀNG MAU, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-18

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.31                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | 0.842                            | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 8.26                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone: (+84) 28.3810.4336**

**Website: <http://tsl-net.com.vn>**

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-19

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BÈ CHỨA  
TRẠM VỊ THẮNG  
ẤP: 7, XÃ: VỊ THẮNG, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL. / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-19

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.25                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 8.48                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5                  |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                       |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-20

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
TRẠM VỊ THẮNG  
ẤP: 7, XÃ: VỊ THẮNG, HUYỆN: VỊ THỦY
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

## Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-20

Trang/ Page No: 2/2

6.0 - 8.5  
0.01  
17025:2017

4. LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-21

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN - PHẠM VĂN SỜ  
TRẠM VỊ THẮNG  
ẤP: 7, XÃ: VỊ THẮNG, HUYỆN: VỊ THỦY  
SỐ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-21

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.38                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.55                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5                  |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                       |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-22

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BỂ CHỨA  
TRAM LONG BÌNH  
ẤP: KHU VỰC BÌNH TÂN, XÃ: PHƯỜNG VĨNH TƯỜNG, HUYỆN: TX. LONG  
MỸ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-22

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.40                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | 1.97                             | TCU             | -            | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.94                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-23

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
TRẠM LONG BÌNH  
ẤP: KHU VỰC BÌNH TÂN, XÃ: PHƯỜNG VĨNH TƯỜNG, HUYỆN: TX. LONG  
MỸ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-23

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.61                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130-B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | 1.72                             | TCU             | -            | SMEWW 2120-B:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.93                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-24

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN - TRẦN VĂN TRỌNG  
TRẠM LONG BÌNH  
ẤP: KHU VỰC BÌNH TÂN, XÃ: PHƯỜNG VĨNH TƯỜNG, HUYỆN: TX. LONG  
MỸ
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-24

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.78                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | 2.99                             | TCU             | -            | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.49                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-25

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BỂ CHỨA  
NHÀ MÁY NƯỚC LONG MỸ  
ẤP: ẤP 3 , XÃ: THỊ TRẤN VĨNH VIÊN, HUYỆN: LONG MỸ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam  
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-25

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.81                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 8.28                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

  
**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-26

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
NHÀ MÁY NƯỚC LONG MỸ  
ẤP: ẤP 3 , XÃ: THỊ TRẤN VĨNH VIỄN, HUYỆN: LONG MỸ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

# TSL



### TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-26

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.48                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 8.37                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỖNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-27

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN - VÕ THỊ KÈ  
NHÀ MÁY NƯỚC LONG MỸ  
ẤP: ẤP 3 , XÃ: THỊ TRẤN VĨNH VIỄN, HUYỆN: LONG MỸ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-27

Trang/ Page No: 2/2

**TEST REPORT**

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.49                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 8.36                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5                  |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-28

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC TẠI BỂ CHỨA  
TRẠM PHỤNG HIỆP  
ẤP: MỸ THUẬN 1, XÃ: PHỤNG HIỆP, HUYỆN: PHỤNG HIỆP
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-28

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.30                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | 0.562                            | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 8.06                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5                  |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                       |

## Chú thích/ Remarks:

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-29

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : NƯỚC CUỐI NGUỒN  
TRẠM PHỤNG HIỆP  
ẤP: MỸ THUẬN 1, XÃ: PHỤNG HIỆP, HUYỆN: PHỤNG HIỆP
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-29

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.42                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | 0.462                            | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                    | Không có mùi, vị lạ        |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 8.11                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5                  |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                       |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-30

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 06/05/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 06/05/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 09/05/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : HỘ DÂN - VÕ VĂN THỦY  
TRẠM PHỤNG HIỆP  
ẤP: MỸ THUẬN 1, XÃ: PHỤNG HIỆP, HUYỆN: PHỤNG HIỆP
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa (Mẫu do khách hàng cung cấp)
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X211E0381-30

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-<br>1:2018/<br>BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|----------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                         |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                         |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0                  |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | 1.01                             | NTU             | -            | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                          |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                         |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | TCVN 2653:1978                       | Không có<br>mùi, vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 8.04                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5                  |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | 0.002                            | mg/L            | -            | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                       |

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04